TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2025/DS-ST
Ngày 03-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Công Ny.

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 893/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ: Số B N, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trịnh Quyền A, địa chỉ liên hệ: Lầu 6, số A đường T, phường N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 02-10-2024). (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Chí T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số C khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02-10-2024 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà Trịnh Quyền A trình bày:*

Ông Huỳnh Chí T cùng với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T1 (viết tắt P1) cùng ký Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 412/2018/HĐTD/PVB-

CNTDO ngày 04-12-2018 như sau: Thời hạn vay 60 tháng; mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng; số tiền thực tế giải ngân 80.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. P1 đã nhiều lần gửi công văn thông báo để yêu cầu ông T thanh toán khoản vay cho P1 theo đúng quy định. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện theo cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, số tiền ông T đã thanh toán cho P1 cụ thể như sau: Thanh toán nợ gốc 46.204.381 đồng; thanh toán nợ lãi 22.151.784 đồng; tổng cộng 68.356.165 đồng.

Dư nợ tạm tính đến ngày 11-7-2024 của khoản vay ông T như sau: Nợ gốc 33.795.619 đồng; nợ lãi 29.287.668 đồng; tổng cộng 63.083.287 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của P1, P1 khởi kiện ông T để yêu cầu giải quyết: Buộc ông T thanh toán cho P1 tổng số tiền 63.083.287 đồng, bao gồm: nợ gốc 33.795.619 đồng và nợ lãi 29.287.668 đồng (tạm tính đến ngày 11-7-2024). Ông T phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 12-7-2024 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 412/2018/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 04-12-2018 đến khi ông T thanh toán xong các khoản nợ. Nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của ông T để thanh toán nghĩa vụ nợ cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 412/2018/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 04-12-2018.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà Trịnh Quyền A trình bày:*

P1 yêu cầu ông Huỳnh Chí T phải trả cho P1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 03-12-2025 là 74.547.457 đồng (trong đó: nợ gốc 33.795.619 đồng, lãi trong hạn 6.048.098 đồng, lãi quá hạn 32.144.569 đồng, lãi chậm trả 2.559.171 đồng) và ông T có trách nhiệm thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 04-12-2025 theo lãi suất quá hạn theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

* Bị đơn ông Huỳnh Chí T vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Huỳnh Chí T trả cho P1 tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03-12-2025 là 74.547.457 đồng (trong đó nợ gốc 33.795.619 đồng, nợ lãi 40.751.838 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Huỳnh Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 02-10-2024 và Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương ngày 04-12-2018 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại tại phường T, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 412/2018/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 04-12-2018 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng cho vay trả góp bằng lương với nguyên đơn để vay số tiền 80.000.000 đồng, dư nợ 80.000.000 đồng kèm theo khế ước nhận nợ có chữ ký của bị đơn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc 46.204.381 đồng và lãi 22.151.784 đồng, dư nợ tính đến ngày 03-12-2025 là 33.795.619 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng cho vay nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 3 của hợp đồng, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 33.795.619 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 412/2018/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 04-12-2018 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi phát sinh trong đó có lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 2 của hợp đồng một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng kê tính lãi chi tiết tính đến ngày 03-12-2025, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn 6.048.098 đồng, tiền lãi quá hạn 32.144.569 đồng, tiền lãi chậm trả 2.559.171 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 33.795.619 đồng, tiền lãi trong hạn 6.048.098 đồng, tiền lãi quá hạn 32.144.569 đồng, tiền lãi chậm trả 2.559.171 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 74.547.457 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Chí T.

Buộc ông Huỳnh Chí T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc, lãi tính đến ngày 03-12-2025 là 74.547.457 đồng (trong đó: nợ gốc 33.795.619

đồng, tiền lãi trong hạn 6.048.098 đồng, tiền lãi quá hạn 32.144.569 đồng, tiền lãi chậm trả 2.559.171 đồng).

Kể từ ngày 04-12-2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Chí T phải chịu án phí là 3.727.373 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 1.577.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002229 ngày 29-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV1- Cần Thơ
- Phòng THADS KV1- Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phượng